

BIẾN ĐỔI TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA NGƯỜI CHIL Ở KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN LANG BIANG

Nguyễn Thị Hương⁽¹⁾

(1) Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài 17/03/2020; Ngày gửi phản biện 20/03/2020; Chấp nhận đăng 25/05/2020

Liên hệ email: lethuy7972@gmail.com

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2020.04.059>

Tóm tắt

Sản xuất nông nghiệp vẫn là hình thức sinh kế chủ yếu của đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung, người Chil nói riêng. Nó có vai trò rất quan trọng trong việc duy trì đời sống và gìn giữ phong tục, tập quán, đặc trưng văn hóa của các dân tộc, đồng thời cũng có những đóng góp nhất định đối với đời sống kinh tế xã hội của cả nước. Năm 2015, khi Lang Biang được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới thì sinh kế từ sản xuất nông nghiệp của người Chil cũng có nhiều biến đổi. Sự biến đổi này không chỉ ảnh hưởng đến cộng đồng dân tộc Chil cũng như cộng đồng dân tộc khác cư trú trong cùng khu vực mà còn có tác động nhất định đến mục tiêu phát triển bền vững của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang. Sự thay đổi này đang diễn ra theo chiều hướng tích cực và hội nhập là vấn đề rất đáng quan tâm về các mặt khoa học – văn hóa – xã hội.

Từ khóa: Lang Biang, người Chil, sản xuất nông nghiệp, sinh kế, biến đổi

Abstract

CHANGES IN AGRICULTURAL PRODUCTION OF THE CHIL IN LANG BIANG BIOSPHERE RESERVE

Agriculture is still the main source of livelihood for ethnic minorities in general and the Chil people in particular. Not only does it play a critical role in maintaining life and preserving customs, traditions as well as culture of ethnic minority groups, it also makes a certain contribution to the socio-economic life of the whole country. In 2015, when Lang Biang was recognized as Biosphere Reserve in Vietnam, the agricultural livelihoods of Chil people also changed due to various objective and subjective reasons. This change not merely affects the Chil community and other ethnic communities residing in the same area, but also exerts a certain impact on the sustainable development goals of Lang Biang Biosphere Reserve. This change is taking place in a positive and integrated way, which is a very interesting issue in terms of science - culture - society.

1. Đặt vấn đề

Theo Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam năm 1979, người Chil là một trong 6 nhóm địa phương của dân tộc Cơ Ho. Trong truyền thống, địa bàn cư trú của người Chil là cao nguyên Lang Biang, trong khu vực vườn quốc gia Bidoup Núi Bà, tức

là vùng lõi và vùng đệm của Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang, thuộc huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Mặc dù là nhóm địa phương của dân tộc Cơ Ho, không đông đảo về số lượng nhân khẩu, nhưng người Chil đóng vai trò khá quan trọng trong quá trình khai phá, phát triển khu vực Nam Tây Nguyên, đặc biệt là ở Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang, tỉnh Lâm Đồng.

Trải qua nhiều biến động lịch sử, đến nay địa bàn sinh sống của người Chil đã có sự biến đổi trải dài từ vùng lõi, vùng đệm và cả vùng chuyển tiếp. Cho đến nay, đời sống của cộng đồng người Chil vẫn gắn chặt với sản xuất nông nghiệp nhưng đã có nhiều biến đổi từ tự cung tự cấp tiến dần sang kinh tế thị trường. Sự biến đổi này tác động rất lớn đến đời sống, tập quán, văn hóa của người Chil. Dưới sự quan tâm định hướng và điều chỉnh của Nhà nước, nhất là theo định hướng ổn định và phát triển kinh tế – văn hóa – xã hội khu vực dân tộc ít người, sự thay đổi này đang diễn ra theo chiều hướng tích cực và hội nhập. Đồng thời, nó cũng đang vấp phải những thách thức, hình thành nên những xung đột dẫn đến thay đổi trong quan niệm, giữa công tác bảo tồn và việc phát huy, tác động đến sự thay đổi hệ thống tri thức bản địa, làm thay đổi tập quán – truyền thống – văn hóa một tộc người. Việc tìm hiểu về sự biến đổi trong sản xuất nông nghiệp của người Chil từ khi Lang Biang trở thành khu dự trữ sinh quyển thế giới so với truyền thống như thế nào là rất cần thiết. Do các đặc điểm tương đồng trong kết cấu xã hội, môi trường, điều kiện sinh sống và phương thức sản xuất giữa các tộc người, kết quả nghiên cứu này không chỉ có ý nghĩa quan trọng với riêng tộc người Chil mà còn giúp làm sáng tỏ hơn tình hình phát triển chung của các tộc người lân cận trong khu vực, đóng góp về lý luận thực tiễn trong việc hoạch định chính sách dân tộc theo xu hướng ổn định và phát triển bền vững.

2. Cơ sở khoa học và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về nông nghiệp nói chung, sản xuất nông nghiệp của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói riêng đã được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Những công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài tiêu biểu có thể kể đến: Côngđominát, (1954), La Phong (1967), Kem Lanh (1918), Trexnôv (1976), Emily Schultz – Robert Lavenda (2001)... đã mô tả về kỹ thuật canh tác, giống cây, các nghi lễ... Dù chưa đi sâu vào phân tích, so sánh để thấy được sự phát triển, thay đổi trong sản xuất nông nghiệp của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên trong tiến trình lịch sử nhưng đây là nguồn tài liệu quý mà các học giả trong nước có thể kế thừa, tham khảo khi nghiên cứu về sản xuất nông nghiệp của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Sau năm 1975, những nghiên cứu về sản xuất nông nghiệp của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói chung cũng tiếp tục được nhiều tác giả quan tâm. Các công trình nghiên cứu này xem xét sản xuất nông nghiệp như một phần không thể thiếu trong đời sống của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, tập trung ở các tác giả với công trình nghiên cứu qua từng giai đoạn như: Đặng Nghiêm Vạn (1981), Bé Viết Đăng (1982), Mạc Đường (1983), Bùi Minh Đạo (1999)... Ngoài ra, còn có một số nghiên cứu chuyên về từng khía cạnh sản xuất nông nghiệp của các dân tộc thiểu số như loạt bài về nương rẫy

và ruộng nước của dân tộc Ba Na và các dân tộc Tây Nguyên của Bùi Minh Đạo đăng trên *Tạp chí Dân tộc học* (1980, 1983, 1984, 1999). Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn tập trung vào hoạt động sản xuất của nhóm dân tộc chung (theo quan niệm tập hợp 54 dân tộc). Các hoạt động sản xuất nông nghiệp của riêng người Chil chỉ xuất hiện thoáng thoáng trong những công trình nghiên cứu chung về dân tộc Cơ Ho. Phan Ngọc Chiến (2003) cho rằng sinh kế chính của người Cơ Ho là sản xuất nông nghiệp, tất cả các nhóm của tộc người Cơ Ho đều làm rẫy bằng lối du canh theo chu kỳ, một mảnh rừng được trồng trọt trong vài ba năm, sau đó để hóa và sẽ được canh tác trở lại khi cây rừng đã mọc cao. Cây lương thực chính của các nhóm Cơ Ho là lúa, riêng nhóm Chil là bắp. Nguyễn Văn Diệu (1983) cũng cho rằng, các dân tộc ít người ở Lâm Đồng sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt. Bùi Minh Đạo (2003) cũng cho rằng, trồng trọt là hoạt động sản xuất truyền thống chính yếu của người Cơ Ho. Những năm gần đây, những bài viết, công trình nghiên cứu riêng về người Chil đã bắt đầu xuất hiện (Phạm Thành Thôi, 2017, 2019). Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu riêng về sản xuất nông nghiệp của người Chil, đặc biệt là sự biến đổi trong sản xuất nông nghiệp. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu về sự biến đổi trong sản xuất nông nghiệp nhằm làm rõ sự thích ứng của người Chil trước những thay đổi của môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội... đồng thời góp thêm nguồn tư liệu khoa học liên quan đến sản xuất nông nghiệp của người Chil.

Để nghiên cứu sự biến đổi trong sản xuất nông nghiệp của người Chil chúng tôi dựa trên quan điểm tiếp cận liên ngành về nhân học/dân tộc học và xã hội học để giải quyết các mục tiêu đặt ra của vấn đề. Nguồn dữ liệu để thực hiện bài viết này được thu thập bằng cách quan sát – tham dự, phỏng vấn sâu từ ba cuộc điền dã vào cuối năm 2016, đầu năm 2017 và cuối năm 2018 ở 3 xã (Đạ Sar, Đạ Chais, Đưng K’Nớh) và thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Đây là địa bàn cư trú chính của người Chil trong truyền thống cũng như hiện nay và là địa bàn thuộc vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang. Ngoài ra, để bổ sung thông tin cấp độ hộ chúng tôi tiến hành phương pháp điều tra xã hội học với 669 phiếu hỏi.

3. Kết quả và thảo luận

Sau năm 1975, Đảng và Nhà nước có chủ trương di dân lên Tây Nguyên nhằm củng cố an ninh quốc phòng đồng thời xây dựng Tây Nguyên thành vùng kinh tế trọng điểm của cả nước. Để thực hiện chủ trương đó, Nhà nước đã tổ chức nhiều cuộc di cư từ phía Bắc vào Tây Nguyên. Chỉ tính riêng trong vòng 10 năm (1976–1986), dân số Tây Nguyên đã tăng 64%, trong đó chủ yếu là cơ học (Trần Minh Đức, 2014). Ngoài những cuộc di cư do Nhà nước tổ chức, những cuộc di cư tự phát cũng diễn ra ồ ạt đã tạo ra những xáo trộn lớn về tự nhiên, môi trường, văn hóa, xã hội, kinh tế ở khu vực Tây Nguyên. Khi di cư đến vùng đất mới, các dân tộc khác đã đưa theo các cây trồng vật nuôi, tri thức sản xuất của mình theo. Những người mới di cư đến, bên cạnh lập làng mới, có một số sống gần, đan xen với các dân tộc bản địa, trong đó có người Chil. Do sống gần, đan xen nên người Chil đã có những học hỏi, tiếp nhận những tri thức mới

trong sản xuất cũng như giao lưu văn hóa với những cư dân mới đến, trong đó có người Kinh. Từ đó, người Chil đã có những cải tiến, biến đổi trong hoạt động sinh kế sản xuất của mình.

Trong truyền thống, hộ gia đình người Chil nào cũng hoạt động sản xuất nông nghiệp, nhưng hiện nay đã có sự thay đổi đáng kể. Trong số 669 hộ chúng tôi khảo sát, có 494 hộ thuần nông (74,1%), số còn lại là các ngành nghề khác. Như vậy, sản xuất nông nghiệp vẫn đóng vai trò chủ đạo trong đời sống người Chil. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp hiện nay không còn mang tính tự cung tự cấp, khép kín mà các sản phẩm từ sản xuất nông nghiệp đã trở thành sản phẩm hàng hóa trao đổi trên thị trường với cây trồng chính là cà phê.

Biến đổi dễ nhận thấy nhất là hiện nay người Chil sống định canh định cư và sản xuất trên những mảnh đất nhất định. Do yêu cầu định canh định cư, nên phương thức sản xuất của người Chil cũng có sự biến đổi đáng kể nhằm phù hợp với tình hình mới. Sự biến đổi đó được thể hiện qua các khâu như: quy trình canh tác, giống cây trồng, dụng cụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt, với đất đai, từ thuần túy chiếm hữu, người Chil đã chuyển sang sở hữu.

3.1. Quy trình canh tác nương rẫy

Trong truyền thống do phải sống du canh du cư nên quy trình canh tác nương rẫy của người Chil phải trải qua nhiều giai đoạn như chọn đất, phát, đốt rẫy, gieo trồng, làm hàng rào, làm cỏ, thu hoạch. Ngày nay, phải sống định canh định cư, khai thác và sản xuất lâu dài trên một khoảnh đất nhất định nên quy trình canh tác nương rẫy giờ chỉ còn gieo trồng, làm cỏ, chăm sóc và thu hoạch.

Ở trên rẫy người Chil thường trồng cà phê. Để phân biệt ranh giới giữa các rẫy, người Chil thường đào mương ngăn cách. Quy trình trồng cà phê cũng tương đối công phu. Đầu tiên, người Chil phải đào hố sâu chừng 30–40 cm, rộng 40cm, mỗi hố cách nhau khoảng 12cm. Thời gian để hoàn thành việc đào hố này nhanh hay chậm là tùy thuộc vào diện tích rẫy nhưng thường ít nhất cũng mất một tuần. Sau khi đào hố xong, người Chil sẽ tiến hành bón lót phân lân rồi mới trồng cây. Mục đích của việc bón lót là giúp cho cây nhanh lớn. Những kỹ thuật cơ bản này, người Chil học tập từ các nhóm người khác, nhất là từ người Kinh, có áp dụng cả những tri thức khoa học kỹ thuật mới mà họ được chia sẻ, phổ biến hoặc tự tìm hiểu.

Cây cà phê thường được trồng vào tháng 7–8. Sau khi trồng được khoảng 2–3 tháng, người Chil tiếp tục bón tiếp phân ure và tiến hành làm cỏ. Khoảng 2–3 năm cà phê bắt đầu cho thu hoạch, tuy nhiên giai đoạn cây cho năng suất cao là từ 4–5 năm và sau đó thì giảm dần. Hàng năm vào tháng 1–2 người Chil tiến hành tỉa cành, bón phân, tháng 5–6 cây ra hoa, tháng 7 đến tháng 9 cây kết trái và từ tháng 10 bắt đầu thu hoạch sớm cho đến hết.

Thu hoạch cà phê được tiến hành thủ công (hái bằng tay). Dụng cụ thu hoạch là dùng gùi và bao ni lông. Sau khi hái xong, người Chil tập kết vào cùng một chỗ rồi dùng xe máy vận chuyển. Cà phê sau khi thu hoạch được đem bán cho những quán tạp

hóa mà họ đã mua chịu phân bón đầu mùa. Sau khi cần trừ còn dư bao nhiêu họ sẽ được chủ quán trả lại tiền. Những quán thu mua nông sản này đa số là của người Kinh.

Vòng quay canh tác cây cà phê trong khoảng 15–20 năm, sau đó muốn thu hoạch lại người Chil phải phá đi trồng mới lại hoặc cưa thân cây để lại khoảng 30 cm và tiếp tục bón phân và chăm sóc. Sau khoảng 2 năm cây tiếp tục cho thu hoạch. Do quá trình sinh trưởng của cây cà phê dài nên chỉ cần gieo trồng, làm hàng rào một lần là có thể khai thác lâu dài. Như vậy, so với truyền thống quy trình canh tác nương rẫy hiện nay đã rút bớt được rất nhiều công đoạn nhưng năng suất lại được nâng cao, đưa lại giá trị về kinh tế, giúp cho cuộc sống người Chil ổn định hơn.

3.2. Về hệ cơ cấu cây trồng

Hiện nay hệ cơ cấu cây trồng của người Chil có sự thay đổi mạnh mẽ. Trong truyền thống trên mỗi đám rẫy người Chil thường trồng xen canh nhiều loại cây khác nhau và toàn là những cây ngắn ngày. Ngày nay, trên mỗi đám rẫy người Chil cũng trồng xen canh nhưng vừa có cây lâu năm vừa có cây ngắn ngày. Thậm chí nhiều đám rẫy chỉ trồng chuyên canh một loại cây nhất định. Trước kia, bắp là cây chủ lực trong đời sống của người Chil nhưng hiện nay cây cà phê mới là cây trồng chính của người Chil.

Cây cà phê du nhập vào Lâm Đồng từ thời Pháp thuộc. Ban đầu, cà phê chỉ được trồng trong các đồn điền người Pháp có sử dụng sức lao động của cư dân bản địa. Sau giải phóng, nhất là những năm đầu thập niên 1980, giá cà phê tăng mạnh, tạo ra nguồn thu nhập cao hơn rất nhiều so với các loại cây trồng truyền thống khác. Hơn nữa cây cà phê rất phù hợp với đất đai, thổ nhưỡng ở khu vực huyện Lạc Dương. Do đó, nhiều người Chil đã chủ động chuyển sang trồng cây cà phê trên rẫy và cho thu nhập khá cao. Chính quyền địa phương cũng có chủ trương khuyến khích người Chil nói riêng, các cư dân bản địa nói chung đang sinh sống trên địa bàn huyện Lạc Dương chuyển đổi giống cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện. Phong trào trồng cây cà phê phát triển rộng khắp cả huyện và người Chil cũng hòa vào xu thế sản xuất này từ những năm 1980–1990. Nó góp phần chuyển hướng nền kinh tế của người Chil từ tự cung tự cấp trong truyền thống sang sản xuất hàng hóa, gắn chặt với thị trường. Ngoài ra, người Chil còn trồng bắp, hồng, khoai, sắn, rau củ... để tăng thêm thu nhập. Riêng trồng hoa do đòi hỏi vốn lớn, kỹ thuật cao nên rất ít người Chil đầu tư vào lĩnh vực này. Nghề trồng hoa chủ yếu do người Kinh tổ chức.

Cây hồng du nhập muộn hơn cà phê (khoảng năm 1995). Nó là giống cây trồng ít cần công chăm sóc, hiệu quả kinh tế cũng tương đối cao nên được người Chil ưa chuộng. Sau thử nghiệm một thời gian thì nhận thấy loại cây này có khả năng chịu được thời tiết lạnh khá tốt, đặc biệt là sương muối. Hồng cũng hiếm khi bị các loại sâu bệnh. Hồng thường được trồng xen với các loại cây trồng khác như cà phê nên khi bón phân cho cà phê thì hồng cũng hấp thu được lượng phân này mà không cần bón phân riêng. Hồng không cần tưới mà chỉ sống bằng nước mưa và nước ngầm do rễ cây tự hấp thụ. Khi hồng trồng được khoảng 3 năm thì cắt tán để cây không cao mà ra được nhiều cành. Hồng trồng đến 6–7 năm thì bắt đầu cho trái. Trong năm hồng sẽ có một đợt thay lá vào tháng 3, khi đến tháng 4–5 thì cây ra hoa, khoảng tháng 8, 9 thu hoạch.

3.3. Về kỹ thuật canh tác

Trước kia, kỹ thuật canh tác của người Chil rất thô sơ, thường chọc lỗ bỏ hạt, không dùng phân bón, năng suất cây trồng phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên, thời tiết.... Hiện nay, sản xuất nông nghiệp của người Chil cũng đã theo hướng áp dụng quy trình khoa học kỹ thuật, từ đào hố, cuốc xới, bón phân để tránh bị rửa trôi và giữ ẩm vào mùa khô cũng như tăng độ màu cho đất. Với cây cà phê, hồng người Chil phải đào hố, bón phân theo từng chu kỳ. Cây cà phê thường sẽ bón một năm 3 đợt: đợt đầu là bón phân Ure khi cây ra hoa; đợt hai, bón phân NPK khi cây kết trái; đợt 3, bón phân NPK trước khi thu hoạch.

Kỹ thuật canh tác trong truyền thống thường là dựa vào kinh nghiệm, tri thức địa phương của người đi trước truyền lại cho thế hệ sau. Hiện nay, kỹ thuật canh tác được Nhà nước hỗ trợ trên cơ sở khoa học nên năng suất cây trồng không ngừng được nâng cao. Mỗi hộ gia đình được chính quyền phát cho cuốn sổ tay về kỹ thuật gieo trồng và chăm sóc các loại cây trồng. Ngoài ra, họ còn được cán bộ khuyến nông cho đi học tập, tham quan các mô hình làm ăn hiệu quả... để học hỏi thêm kinh nghiệm. Bên cạnh đó, người Chil còn được nghe hướng dẫn kỹ thuật canh tác qua hệ thống truyền thanh, truyền hình của tỉnh, huyện... So với truyền thống, kỹ thuật canh tác hiện nay của người Chil đã có nhiều biến đổi.

3.4. Về dụng cụ sản xuất

Trong truyền thống, dụng cụ sản xuất của người Chil khá thô sơ như rìu, xà gạc, gậy chọc lỗ, gùi... và tự làm lấy. Hiện nay, những dụng cụ sử dụng trong sản xuất của người Chil về cơ bản vẫn không thay đổi nhiều nhưng không còn tự làm lấy mà mua ở các cửa tiệm, hàng tạp hóa. Các dụng cụ sản xuất hiện đại như: máy cày, máy bơm nước, máy bóc vỏ cà phê,... đã xuất hiện trong những gia đình người Chil khá giả. Tuy nhiên số lượng này không nhiều, một phần do điều kiện kinh tế của người Chil chưa thật sự tốt, một phần do điều kiện địa hình không thuận lợi để ứng dụng cơ giới hóa. Các công cụ sản xuất thô sơ như xà gạc, kéo, cưa, cuốc... và kỹ năng lao động truyền thống vẫn phát huy tác dụng trong thực tế sản xuất. Tất cả các quá trình từ chọn giống, sản xuất, thu hoạch, phân phối (bán ra) đều sử dụng hình thức phi cơ giới không có bất kỳ loại máy móc gì để hỗ trợ, toàn bộ bằng sức người và những công cụ thô sơ vì điều kiện kinh tế không cho phép mua những máy móc hỗ trợ như máy bơm nước. Để vận chuyển lương thực người Chil đã sử dụng xe máy thay cho sức người (gùi, như truyền thống).

3.5. Các nghi lễ

Trong truyền thống do sống phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên nên trong hoạt động sản xuất người Chil thường có rất nhiều nghi lễ liên quan đến nông nghiệp. Hiện nay, trong sản xuất nông nghiệp người Chil được cán bộ khuyến nông cung cấp kỹ thuật, được tập huấn, tham quan thực tế... nên năng suất không ngừng cải thiện. Ngoài ra, phần lớn người Chil đã theo đạo Tin Lành nên các nghi lễ cầu mùa, cúng bái thần linh hầu như chỉ còn tồn tại trong tiềm thức của những người già mà nhạt dần, thậm chí biến mất ở thế hệ trẻ. Để ăn mừng mùa màng bội thu, người Chil chỉ mời Mục sư đến làm lễ, cầu nguyện, thay cho các nghi thức cúng bái trong tập quán. Thời cha mẹ thì còn có

cúng các thần chứ bữa nay hết rồi. Bữa nay chỉ có làm lễ ở nhà thờ thôi, không cúng kiếng gì hết. Ngoài ra, để tỏ lòng thành với Chúa cũng như đóng góp vào việc xây dựng, tu sửa nhà thờ, người Chil sẽ dâng lễ vật là những sản phẩm mình làm.

Kết quả khảo sát điền giả cho thấy, hoạt động sản xuất nông nghiệp hiện nay của người Chil có nhiều biến đổi. Chuyển từ canh tác nương rẫy du canh du cư sang định canh định cư. Cà phê mới là cây trồng chính thay cho bắp. Đặc biệt, mục tiêu của sản xuất nông nghiệp hiện nay là chuyển từ tự cung tự cấp trong truyền thống sang phục vụ sản xuất hàng hóa với 100% sản phẩm được bán ra thị trường để mua lại các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của cuộc sống. Cách thức tiếp cận kỹ thuật chuyển từ truyền miệng trong cộng đồng sang quan sát cách làm của người nơi khác chuyển đến, hoặc qua sách báo, từ cán bộ khuyến nông thông qua các lớp tập huấn, tham quan....

4. Kết luận

Sự biến đổi trong sản xuất nông nghiệp của người Chil được thể hiện rõ trên các lĩnh vực như : quy trình canh tác, hệ cơ cấu cây trồng, kỹ thuật canh tác, dụng cụ sản xuất và các nghi lễ liên quan đến sản xuất nông nghiệp. Nguyên nhân của những biến đổi này là do sự phát triển của các loại hình trồng trọt định canh định cư. Các hoạt động canh tác nương rẫy du canh du cư trong truyền thống của người Chil ngày càng thu hẹp và đến nay đã hoàn toàn biến mất. Bên cạnh đó do dân số tăng nhanh, diện tích đất rừng bị thu hẹp cộng thêm việc Nhà nước ban hành các chính sách cấm phá rừng làm nương rẫy nên người Chil không thể tự ý khai phá đất rừng làm đất canh tác, đặc biệt là từ khi Lang Biang trở thành khu dự trữ sinh quyển thế giới. Nguyên nhân không kém phần quan trọng là do biến đổi khí hậu. Trước đây, khí hậu ở Lạc Dương ôn hòa hơn, cả ngày nhiệt độ mát mẻ, biên độ nhiệt không lớn. Bây giờ nhiệt độ lạnh vào buổi sáng và buổi tối, buổi trưa trời nắng nóng. Khí hậu thay đổi làm cho nhiều loại cây không đạt sản lượng cao như lúc trước nên người dân phải chuyển sang trồng cà phê, dâu, lagim (các loại rau)... Sự biến đổi trong sản xuất nông nghiệp đã tác động đến cuộc sống của cộng đồng người Chil nói riêng và mục tiêu phát triển bền vững của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan An (1983). Một số đặc trưng của xã hội người Cil và Lạt. Mạc Đường (chủ biên). *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*. Sở Văn hóa Tỉnh Lâm Đồng.
- [2] Phan Ngọc Chiến (1983). Dân tộc Kơ Ho. *Các Dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*. NXB Khoa học Xã hội.
- [3] Phan Ngọc Chiến (2003). Người Kơ Ho và người Cil ở Lâm Đồng: Phân tích tài liệu thư tịch và điền dã về bản sắc và thành phần dân tộc. Phan Ngọc Chiến (chủ biên). *Người Kơ Ho ở Lâm Đồng*. NXB Trẻ.
- [4] Nguyễn Việt Cường (2003). Một số đặc điểm kinh tế-xã hội của người Chil ở xã Đa Sar. Phan Ngọc chiến (chủ biên). *Người Kơ ho ở Lâm Đồng*. NXB Trẻ.
- [5] Côngđôminat G. (1954). *Chúng tôi ăn rừng của thần đá Gô*. Paris.
- [6] Nguyễn Việt Cường (2003). *Một số đặc điểm kinh tế-xã hội của người Chil ở xã Đa Sar*.

- Phan Ngọc Chiến (chủ biên). *Người Kơ Ho ở Lâm Đồng*. NXB Trẻ.
- [7] Nguyễn Văn Diệu, Phan Ngọc Chiến (1983). *Người Kơ Ho*. Mạc Đường (chủ biên). *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*. Sở Văn hóa Tỉnh Lâm Đồng.
- [8] Nguyễn Văn Diệu (1983). *Vấn đề kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc Lâm Đồng dưới thời Mỹ - ngụy*. Sở Văn hóa Tỉnh Lâm Đồng.
- [9] Bế Viết Đăng (1982). *Đại học đại cương về các dân tộc Ê Đê, Mnông ở Đắc Lắc*. NXB Khoa học Xã hội.
- [10] Trần Minh Đức (2014), *Những biến đổi trong sản xuất nông nghiệp của người mạ tỉnh Lâm Đồng*. Luận án tiến sĩ Nhân học. Viện Khoa học Xã hội.
- [11] Bùi Minh Đạo (1983). *Vài nét về nương rẫy và ruộng khô của người Ba na ở huyện An Khê, tỉnh Gia Lai – Kon Tum*. Tạp chí Dân tộc học, số 3.
- [12] Bùi Minh Đạo (1988). *Vài nhận xét về nương rẫy Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra*. Tạp chí Dân tộc học, số 4.
- [13] Bùi Minh Đạo (1999). *Một số vấn đề cơ bản của trồng trọt ở các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên*. Tạp chí Dân tộc học, số 1.
- [14] Emily A. Schultz – Robert H.Lavenda (2001). *Nhân học Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*. NXB Chính trị Quốc gia.
- [15] Kem Lanh. E. (1918). *Lễ nghi thức nông nghiệp của người Rơ Ngao*. Bản dịch của Viện Dân tộc học.
- [16] La Phong. P. B. (1967). *Trồng trọt của những người tiền Đông Dương ở cao nguyên miền Trung Việt Nam*. Bản dịch của Viện Dân tộc học.
- [17] Phạm Thanh Thôi (2009). *Sự biến đổi trong hôn nhân của người Chil (Cil) ở Lâm Đồng*. Luận văn thạc sĩ chuyên ngành dân tộc học. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)
- [18] Phạm Thanh Thôi (2014), “Ranh giới xã hội giữa người Chil và Kơ Ho”, Tạp chí Khoa học xã hội, số 3 (187).